TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2026/DS-PT
Ngày: 31 tháng 3 năm 2026
V/v Tranh chấp phân chia tài sản chung để thi hành án.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyền

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Như Hiển

Ông Nguyễn Việt Hùng

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Cường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 512/2025/TLPT- DS ngày 29 tháng 12 năm 2025 về việc *"Tranh chấp phân chia tài sản chung để thi hành án"*; do Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2025/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8-Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa án ra xét xử số 87/2026/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974 và ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T*:* ông Vũ Văn X, sinh năm 1979; bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 2001; ông Trần Tuấn L, sinh năm 1999; Cùng địa chỉ: số A N, phường K, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* ông Ngô Duy T1, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1961; Địa chỉ: thôn H, xã B, tỉnh Gia Lai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Phòng thi hành án dân sự khu vực 8, tỉnh Bắc Ninh; Địa chỉ: Khu C, phường Q, tỉnh Bắc Ninh.

2. Anh Ngô Duy T2, sinh năm 1984;

3. Anh Ngô Duy T3, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã B, tỉnh Gia Lai.

4. Anh Ngô Duy T4, sinh năm 1988;

5. Chị Ngô Thị M, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: thôn T, xã T, tỉnh Bắc Ninh.

- *Người kháng cáo:* bị đơn ông Ngô Duy T1, bà Nguyễn Thị C.

Bà T*, ông* X*, ông* T1*, ông* T4 *có mặt; các đương sự khác vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được xác định như sau:

**** Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai tiếp theo tại Tòa án, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà*** Nguyễn Thị T ***trình bày:*** Vợ chồng bà T, ông H có cho vợ chồng ông T1, bà C vay một khoản tiền, sau đó do ông T1 bà C không trả nợ nên bà T, ông H khởi kiện đến Tòa Á, tỉnh Gia Lai. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 15/10/2019 và Bản án phúc thẩm số 18/2020/DS-PT ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã tuyên xử buộc vợ chồng ông T1, bà C phải trả cho vợ chồng bà T, ông H số tiền nợ gốc là 3.000.000.000 đồng và 1.800.000.000 đồng tiền lãi, tổng gốc và lãi là 4.800.000.000 đồng. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông T1 bà C không tự nguyện thi hành án; do vậy, ông bà đã làm đơn đến cơ quan thi hành án có thẩm quyền để xin thi hành bản án trên. Tuy nhiên, do tài sản của ông T1, bà C ở thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Ninh và cơ quan thi hành án đã ủy thác đến Chi cục thi hành án huyện Tiên Du, Chi cục Thi hành án huyện Tiên Du đã hướng dẫn ông bà khởi kiện ra Tòa án. Tại phiên toà, nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết xác định phân chia tài sản chung của ông T1, bà C trong khối tài sản chung của gia đình là thửa đất số 184 tờ bản đồ 60, diện tích 304m^2 tại xóm Ấ, thôn T, xã P, huyện T (nay là thôn T, xã T, tỉnh Bắc Ninh) đứng tên hộ ông Nguyễn Duy T5 để thu hồi trả nợ cho vợ chồng ông bà theo quyết định của bản án đã có hiệu lực pháp luật.

**** Nguyên đơn ông*** Nguyễn Thế H ***trình bày***: Ông và vợ là bà Nguyễn Thị T đã khởi kiện tại Toà án nhân dân huyện Tiên Du (nay là Toà án nhân dân khu vực 8 – Bắc Ninh) để đề nghị xác định và phân chia tài sản của ông T5 bà C là thửa đất số 184, tờ bản đồ 60, diện tích 304m^2 tại xóm Ấ nhằm đảm bảo cho nghĩa vụ thi hành án đối với vợ chồng ông. Do điều kiện công việc không thể tham gia phiên tòa, ông xin được vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải, xét xử và ủy quyền cho bà T thay mặt ông giải quyết vụ kiện. Ý kiến của bà T cũng là ý chí của ông.

**** Bị đơn ông*** Ngô Duy T1 ***trình bày:*** Do bị đơn hiện đều cư trú tại thôn A, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai nên Toà án đã uỷ thác cho Toà án nhân dân huyện Chư Păh lấy lời khai của ông T1. Tuy nhiên, ông T1 trình bày ông và bà C đã ủy quyền toàn bộ cho ông Cao Văn T6, sinh năm 1987; Địa chỉ: số A, Ngõ C P, X, Bắc Từ L1, Thành phố Hà Nội để tham gia tố tụng, ý kiến của ông T6 cũng là ý chí của ông và bà C. Tuy nhiên, ông T1 không cung cấp thủ tục uỷ quyền của ông T1 cho ông T6,

Tòa án trực tiếp thông báo với ông T6 nhưng ông T6 không hợp tác và cũng không đến Toà án.

**** Đối với bị đơn bà*** Nguyễn Thị C: Đã được Tòa án ủy thác để lấy lời khai tuy nhiên bà C không đến làm việc, không lấy được lời khai và cũng không tham gia theo giấy triệu tập của Toà án.

**** Đối với những người có quyền lợi , nghĩa vụ liên quan*** Ngô Duy T2***, anh*** Ngô Duy T7***, anh*** Ngô Duy T4 ***và chị*** Ngô Thị M***:*** đã được Toà án triệu tập xong từ chối nhận văn bản tố tụng của Toà án, do vậy Toà án không lấy được lời khai của các đương sự.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 8 – Bắc Ninh) có văn bản ý kiến:*** Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du đang thi hành quyết định thi hành án số 36/QĐ-CCTHADS ngày 20/1/2022 để thi hành bản án số 07/2019/DSST ngày 15/10/2019 của TAND huyện Chư Păh; bản án số 18/2020/DSPT ngày 29/5/2020 của TAND tỉnh Gia Lai. Người phải thi hành án là ông T1 bà C có địa chỉ tại thôn A xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai phải trả cho người được thi hành án là bà T, ông H cùng địa chỉ tại thôn A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum tổng số tiền: Gốc và lãi là 4.188.611.572đ và lãi suất chậm thi hành án theo khoản 2 Điều 468 BLDS. Qua xác minh tài sản của ông T1, bà C được biết hộ gia đình ông T1 có tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 184, tờ bản đồ 60, diện tích ở tại xóm Ấ, thôn T, xã P, huyện T. Đồng thời, ngày 20/01/2022, Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du đã ra quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng thay đổi hiện trạng tài sản số 04/QĐ-CCTHADS đối với thửa đất nêu trên của hộ gia đình ông T1. Ngày 13/2/2023, Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du tiếp tục thông báo về việc phân chia tài sản chung số 24/TB-CCTHADS nhưng ông T1 bà C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tự phân chia cũng như yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 22/5/2023, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du tiếp tục thông báo về việc thi hành án số 142/TB-CCTHADS thông báo cho bên được thi hành án quyền khởi kiện ra Tòa án việc phân chia tài sản chung của hộ gia đình ông T1. Để đảm bảo quyền lợi của bên đương sự trong việc thi hành án trong việc phân chia tài sản chung của hộ gia đình ông T1, đề nghị TAND huyện Tiên Du phân chia tài sản chung theo Điều 74 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2022) để xác định kỷ phần của ông T1, bà C (là người phải thi hành án) làm cơ sở cho việc giải quyết thi hành án tiếp theo. Việc phân chia tài sản chung trên cơ sở pháp luật, cần tính đến vai trò đóng góp vào khối tài sản chung của ông T1, bà C, người liên quan là các thành viên trong hộ gia đình. Chi cục Thi hành án dân sự xin vắng mặt đối với quá trình giải quyết xét xử vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2025/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xác định phần tài sản của ông Ngô Duy T1, bà Nguyễn Thị C trong khối tài sản chung là 101,2m^2 tương đương với 1.518.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/11/2025, bị đơn ông Ngô Duy T1 và bà Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

+ Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp tài liệu chứng cứ mới. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm vì đưa thiếu người tham gia tố tụng, gây khó khăn cho việc thi hành án.

+ Bị đơn ông Ngô Duy T1 trình bày: Gia đình ông có nhận được Thông báo số 24 ngày 13/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh về việc phân chia tài sản chung nhưng không thỏa thuận phân chia tài sản chung và yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung theo quy định đối với tài sản là thửa đất số 148, tờ bản đồ 60, diện tích 304m^2 ở xóm Ấ, thôn T; UBND xã cho biết thửa đất nêu trên đã được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ theo quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 19/7/2007 cho hộ ông Ngô Duy T1. Ngoài thửa đất này thì vợ chồng ông không có tài sản nào khác. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thế H. Ông giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm vì ông xác định không có việc vay mượn. Ông là người cao tuổi, đề nghị được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Ngô Duy T4 trình bày nhất trí với kháng cáo của ông T1. Anh xác định có quyền sử dụng đối với thửa đất số 148, tờ bản đồ 60.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật dân sự.

Về nội dung vụ án: bà Nguyễn Thị C là bị đơn có kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị C.

Đối với kháng cáo của bị đơn ông Ngô Duy T1: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 39/2025/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Duy T1 và bà Nguyễn Thị C được miễn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm:

[1.1] Bị đơn là bà Nguyễn Thị C có kháng cáo, được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị C.

[1.2] Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, không có kháng cáo nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[2] Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thế H yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sử dụng của ông T1, bà C trong khối tài sản chung là thửa đất số 148, tờ bản đồ 60, diện tích 304m^2 ở xóm Ấ, thôn T, xã P. Do các bên không thể thỏa thuận được với nhau nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp và thụ lý giải quyết bằng vụ án dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Theo lời trình bày của các đương sự và tài liệu thể hiện trong hồ sơ vụ án thì xác định được giữa bà T, ông H với ông T1, bà C có quan hệ vay mượn. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 15/10/2019, Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai đã quyết định buộc bị đơn ông Ngô Duy T1 và bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thế H, bà Nguyễn Thị T số tiền gốc là 3.000.000.000 đồng và tiền lãi là 1.800.000.000 đồng. Sau khi án sơ thẩm xử, bị đơn có kháng cáo nên tại Bản án dân sự phúc thẩm số 18/2020/DS-PT ngày 29/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai đã tuyên xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm buộc ông T1, bà C phải trả cho bà T, ông H số tiền 4.800.000.000 đồng.

[4] Ngày 01/7/2020, bà T yêu cầu thi hành án.

Ngày 29/7/2021, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Păh quyết định thi hành án theo yêu cầu số 375/QĐ-CCTHADS ngày 29/7/2021 về việc buộc ông T1, bà C phải trả cho bà T, ông H tổng số tiền 4.188.611.572 đồng.

Ngày 14/01/2022, Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh ban hành Quyết định ủy thác số 01 về việc Ủy thác cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du tiếp tục thi hành án đối với ông T1, bà C theo quyết định thi hành án số 375/QĐ-CCTHADS ngày 29/7/2021.

[5] Quá trình giải quyết, phía bị đơn cũng như những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không hợp tác, không cung cấp tài liệu chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Qua các tài liệu thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án xác định: Tại Đơn xin cấp GCNQSDĐ ngày 19/9/2005 cấp thửa đất cho

hộ gia đình ông T1 bà C, nguồn gốc đất do Hợp tác xã cấp năm 1980; Quyết định cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình cá nhân ngày 19/7/2007 của UBND huyện T; Công văn số 11 ngày 12/1/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai xác nhận "thửa đất số 148, tờ bản đồ 60, diện tích 304m^2 ở xóm Ấ, thôn T, UBND xã cho biết thửa đất nêu trên đã được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ theo quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 19/7/2007 cho hộ ông Ngô Duy T1. Đến thời điểm hiện nay Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T chưa được tiếp nhận hồ sơ về việc thực hiện các quyền của người sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên".

[6] Quá trình xác minh tại địa phương xác định, tại thời điểm cấp GCNQSDĐ hộ gia đình ông T1 gồm có ông T1, bà C, anh T2, anh T3, anh T4, chị M. Do vậy, xác định thửa đất số 184, tờ bản đồ 60, diện tích 304m^2 tại thôn T là tài sản chung của hộ gia đình ông T1, bà C và các con là anh T2, anh T3, anh T4, chị M theo quy định tại các Điều 212, 213, 218, 219 của Bộ luật Dân sự.

[7] Ngày 13/2/2023, Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du thông báo về việc phân chia tài sản chung số 24/TB-CCTHADS nhưng ông T1, bà C và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tự phân chia cũng như không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với tài sản chung là thửa đất số 184, tờ bản đồ 60, diện tích 304m^2 tại xóm Ấ và các tài sản trên đất.

[8] Ngày 22/5/2023, Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du thông báo cho người được thi hành án là bà T biết bà có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc phân chia tài sản chung và xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án là ông T1, bà C trong khối tài sản chung theo thủ tục tố tụng dân sự để đảm bảo quyền lợi của mình.

Do đó, bà T làm đơn khởi kiện về việc đề nghị phân chia tài sản chung của ông T1, bà C trong khối tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 184, tờ bản đồ 60, diện tích 304m^2 cùng tài sản trên đất tại thôn T, xã P là có căn cứ.

[9] Đối với phần tài sản trên đất do trong quá trình thẩm định, các đương sự không hợp tác, không xác định được tài sản trên đất có giá trị cụ thể. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn không yêu cầu xem xét tài sản trên đất, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Xét kháng cáo của bị đơn: Từ nhận định trên đây, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định phần tài sản của ông Ngô Duy T1, bà Nguyễn Thị C trong khối tài sản chung là 101,2m^2 tương đương với giá trị 1.518.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới nên không có cơ sở để chấp nhận. Bà T yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì đưa thiếu người tham gia tố tụng thì thấy ông T1 xác định tài sản trên đất là do anh Q xây dựng; tuy nhiên các đương sự không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm: ông T1 và bà C phải chịu án phí nhưng được miễn do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị C.

2. Không chấp nhận kháng cáo bị đơn ông Ngô Duy T1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2025/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Bắc Ninh.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Ngô Duy T1, bà Nguyễn Thị C được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG		THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Như Hiển	**Nguyễn Việt Hùng**	**Phạm Thị Chuyền**